

MẪU THAM DỰ CUỘC THI “Ý TƯỞNG KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO DÀNH CHO NỮ SINH VIÊN”.

TÊN GỌI:

1. Mục tiêu chính của Ý tưởng:

2. Sản phẩm/dịch vụ của đề án sẽ giải quyết được vấn đề/thách thức gì trên thị trường hiện nay? Khách hàng, thị trường dự kiến ở đâu?

3. Sản phẩm/dịch vụ của đề án có gì mới so với những công nghệ, đối thủ khác trên thị trường? Nói cách khác, đâu là khả năng cạnh tranh, ưu thế, sáng tạo của đề án? Mức giá cả của đề án sẽ như thế nào để có sức cạnh tranh?

4. Dự kiến mức lợi nhuận sẽ đạt được sau 1 năm là như thế nào? (tỷ lệ % lợi nhuận ròng trên doanh thu); sau 3 năm là như thế nào? %

	Doanh thu (đồng)	Chi phí (đồng)	Tỷ suất lợi nhuận (%)
Năm đầu tiên			
Năm 3			

5. Sản phẩm, dịch vụ, công nghệ của đề án sẽ có thể đóng góp gì cho môi trường, xã hội và đặc biệt cho cộng đồng?

6. Đề án có thể gặp phải những thách thức khó khăn gì và mong đợi hỗ trợ từ Đề án Phụ nữ Khởi nghiệp?

..... (địa điểm), ngày....tháng.....năm 2019

Người tham gia

(Ký ghi rõ họ tên)

THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CHỦ ĐỀ ÁN/NHÓM CHỦ ĐỀ ÁN
Họ và tên/Lớp:

Họ và tên/Lớp:

1. Trưởng nhóm:
2. Thành viên:
3. Thành viên:
4. Thành viên:
5. Thành viên:

Trường	đại	học/cao	đẳng:
--------	-----	---------	-------

.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại liên lạc:Email:.....

Phần này dành cho đơn vị tiếp nhận hồ sơ

Phần này dành cho đơn vị tiếp nhận hồ sơ

Ngày nhận: Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Mã số:

Mẫu 2. Mẫu hướng dẫn viết Kế hoạch chi tiết cho khởi nghiệp

THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CHỦ ĐỀ ÁN/NHÓM CHỦ ĐỀ ÁN

Họ và tên:.....Lớp:.....

Trưởng nhóm:

Thành viên:

Thành viên:

Thành viên:

Thành viên:

Trường đại học/cao đẳng:

Địa chỉ:

Số điện thoại liên lạc:

1. Giới thiệu mục tiêu triển khai ý tưởng

(mong muốn đạt được gì, giải thích lý do vì sao ý tưởng và phương án sẽ có khả năng tồn tại, đáp ứng nhu cầu hay giải quyết vấn đề gì cho cộng đồng)

2. Mục tiêu tài chính

2.1 Đạt được doanh số _____, tới ngày ____/____/____.

2.1 Đạt được tỷ lệ lợi nhuận/doanh thu là _____%.

THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ, KHÁCH HÀNG

3. Mô tả sản phẩm và dịch vụ

(Các đặc điểm nổi bật của sản phẩm, bao bì, dịch vụ kèm theo, vòng đời của sản phẩm, chứng chỉ, quy trình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới,...)

4. Mô tả về khách hàng

(Công nghệ, sản phẩm, dịch vụ của đề án định hướng tới nhóm khách hàng nào- ở đâu, có những đặc điểm gì đáng lưu ý về độ tuổi, giới tính, ... có ảnh hưởng tới quyết định sẽ mua sản phẩm, dịch vụ do đề án đưa ra)

Dịch vụ và sản phẩm đáp ứng nhu cầu gì: _____

CẠNH TRANH & MARKETING

5. Phân tích về đối thủ cạnh tranh

(Công nghệ, sản phẩm, dịch vụ của đề án có ưu thế gì so với các đối thủ khác trong cùng lĩnh vực từ trước tới nay)

Đối thủ chính

Điểm mạnh/yếu của đối thủ:

6. Ưu và nhược điểm của sản phẩm và của đề án

Công nghệ: _____

Giá cả: _____

Chất lượng: _____

Điều khoản giao hàng: _____

Phương thức thanh toán: _____

Dịch vụ khách hàng: _____

Khác: _____

→ Thông điệp gửi đến khách hàng về công nghệ, sản phẩm, dịch vụ của đề án

Phương tiện thông tin sử dụng:

7. Các phương pháp nghiên cứu thị trường, tiếp cận thị trường tiềm năng (Marketing)

QUẢN LÝ, QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH

8. Hệ thống quản lý, nhân sự, lao động, quản lý và Quản trị Doanh nghiệp/HTX/THT

(mô tả về mô hình tổ chức, cách thức quản lý nhân sự, lao động, bảo hiểm, tiền lương, mô hình quản trị- nhất là với ý tưởng chọn mô hình HTX, THT cần phân tích và trình bày rõ cách thức huy động được tối ưu nguồn lực từ trong nội bộ, đảm bảo tính dân chủ, sức mạnh của cộng đồng. Với ý tưởng chọn mô hình HTX, THT, cần phân tích thành viên ở cả 2 khía cạnh- người chủ và khách hàng của chính HTX/THT)

Quản trị

Quản lý

Nhân sự

....

....

LẬP KẾ HOẠCH & QUẢN LÝ TÀI CHÍNH & LƯU CHUYỂN TIỀN TÊ

9. Kế hoạch & tiến độ triển khai

Lập bảng liệt kê các hoạt động chính và mốc thời gian, ít nhất trong năm đầu tiên, lưu ý tham khảo

Hoạt động	Thời gian	Người thực hiện	Địa điểm	Lưu ý

10. Dự kiến doanh số (lượng bán hàng hoá/dịch vụ) hàng năm

	Đơn vị tính	Sản phẩm/ Dịch vụ (1)	Sản phẩm/ Dịch vụ (2)	Sản phẩm/ Dịch vụ (3)
Năm 1				
Năm 2				
Năm 3				
Năm 4				
Năm 5				
.....				

11. Bảng dự kiến giá bán

Lựa chọn cách định giá bán của Ý tưởng – có thể tham khảo bảng tính dưới đây để ước tính theo một cách phổ biến, dựa trên chi phí sản xuất cho năm đầu

STT	Khoản mục	Sản phẩm/ Dịch vụ (1)	Sản phẩm/ Dịch vụ (2)	Sản phẩm/ Dịch vụ (3)	Ghi chú
1	Biến phí trên 1 đơn vị sp				Chi phí biến đổi theo số lượng sản phẩm. VD: Nguyên vật liệu, lương theo sản phẩm
2	Định phí trên 1 đơn vị sản phẩm				Chi phí cố định liên quan trực tiếp đến việc tạo ra sản phẩm. Lấy định phí chia cho số lượng dự kiến. VD: phần lương cố định (nếu có), chi phí nhà xưởng, điện nước nhà xưởng,
3	Tổng giá thành đơn vị (1) + (2)				

STT	Khoản mục	Sản phẩm/ Dịch vụ (1)	Sản phẩm/ Dịch vụ (2)	Sản phẩm/ Dịch vụ (3)	Ghi chú
4	Mức lãi suất mong muốn				
5	Giá bán (3) + (4)	0	0	0	

12. Dự kiến doanh thu

DOANH SỐ NĂM ĐẦU DỰ KIẾN

Tháng	Sản phẩm/dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Tổng tiền (VND)
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					

Tháng	Sản phẩm/dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Tổng tiền (VND)
11					
12					
TỔNG					

DỰ KIẾN DOANH SỐ

Năm	Sản phẩm/dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Tổng tiền (VND)
1					
2					
3					
4					
5					

13. Dự kiến chi phí

STT	Hạng mục chi phí	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5
1	Giá vốn hàng bán					
1.1	Giá trị hàng hóa mua vào để bán					
1.2	Nguyên vật liệu trực tiếp					
1.3	Nhân công trực tiếp					
1.4	Chi phí sản xuất chung					
2	Chi phí bán hàng					
2.1	Lương nhân viên bán hàng					
2.2	Các khoản trích theo lương (BHXH + BHYT + BHTN + KPCĐ)					
2.3	Chi phí bán hàng: chi phí marketing, đi công tác, tổ chức sự kiện, khuyến mại, tiếp khách hàng,					
						
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp					
3.1	Lương nhân viên hành chính					
3.2	Các khoản trích theo lương (BHXH + BHYT + BHTN + KPCĐ)					
3.3	Chi phí thuê văn phòng					
3.4	Chi phí điện thoại, điện, nước, văn phòng phẩm, ...					
3.5	Chi phí bảo trì bảo dưỡng					
3.6	Các chi phí quản lý khác					
						
4	Tổng chi phí					

14. Dự báo kết quả kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ					
2	Các khoản giảm trừ doanh thu					
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (3) = (1)-(2)					
4	Giá vốn hàng bán					
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ					
6	Doanh thu tài chính					
7	Chi phí tài chính					
-	Trong đó: Chi phí lãi vay					

STT	Chỉ tiêu	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5
8	Chi phí bán hàng					
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp					
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (10) = (5)+(6)-(7)-(8)-(9)					
11	Thu nhập khác					
12	Chi phí khác					
13	Lợi nhuận khác (13) = (11) - (12)					
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (14) = (10) + (13)					
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành					
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN (16) = (14) - (15)					

15. Dự báo lưu chuyển tiền tệ

STT	Chỉ tiêu	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác					
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ					
3	Tiền chi trả cho người lao động					
4	Tiền lãi vay đã trả					
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp					
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh					
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh					
S.I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (8) = (1)-(2)-(3)-(4)-(5)+(6)-(7)					
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác					
2	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các TS dài hạn khác					
3	Tiền chi cho vay					
4	Tiền thu hồi cho vay					
5	Tiền thu lãi cho vay					
S.II	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (6) = -(1)+(2)-(3)+(4)+(5)					
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1	Nhận vốn góp					
2	Tiền trả lại vốn góp					
3	Tiền thu từ đi vay					
4	Tiền trả nợ gốc vay					
5	Tiền trả lãi vay					
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu					
S.III	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (7)=(1)-(2)+(3)-(4)-(5)-(6)					
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (IV) = S.I + S.II + S.III					
V	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ					
VI	ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ					
VII	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (VII) = (IV) + (V) + (VI)					

16. Dự trù các nguồn tài chính cho đề án

	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	...	Tổng số
--	-------	-------	-------	-------	-------	-----	---------

	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	...	Tổng số
1. Tổng vốn cần							
- Vốn cố định							
- Vốn lưu động							
2. Nguồn vốn							
- Vốn tự có							
- Vốn vay							
- từ ... (nguồn 1)							
- từ							
- Vốn xin tài trợ từ Ngày Phụ nữ Khởi nghiệp							

Mục đích sử dụng số tiền vay _____

TÁC ĐỘNG VỀ MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

17. Rủi ro và chiến lược đối phó

18. Tác động xã hội và đóng góp của Kế hoạch/Ý tưởng khởi nghiệp cho các vấn đề môi trường, xã hội tại địa phương cũng như những đóng góp nâng cao vị thế, quyền năng kinh tế của phụ nữ

19. Đề án có thể gặp phải những thách thức khó khăn gì và mong đợi hỗ trợ từ Đề án Phụ nữ Khởi nghiệp?

Thông tin về quá trình chuẩn bị Kế hoạch/Ý tưởng

Phụ lục cho Đề xuất

Dưới đây là những văn bản và tài liệu bổ sung cho kế hoạch kinh doanh này:

1. _____
2. _____
3. _____

